TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **206/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 18/6/2018
V/v *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Thành Lam**

Bà Huỳnh Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mai C**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 28, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: 115B/3, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai C trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và anh H sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau thì tự nguyện đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2016.

Sau khi kết hôn, anh H về chung sống bên nhà của chị C. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C và anh H tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm dẫn đến gây gổ cãi nhau. Chị C đã hai lần đưa đơn lên Tòa để ly hôn với anh H nhưng cả hai lần chị đều rút đơn lại

để cho anh H có thời gian suy nghĩ và sửa đổi tính tình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm của chị C đối với anh H đã không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu xin ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị C và anh H chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/12/2016.

Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H và chị C sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau thì tự nguyện đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H và chị C chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C không quan tâm, không chung thủy với anh H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống bên nhà vợ, chị C chưa làm dâu nhà anh H một ngày nào. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị C và mẹ chị C đuổi anh H ra khỏi nhà từ ngày 22/5/2017. Kể từ đó, Chị C và anh H ít gặp nhau và anh H cũng không được đến thăm con. Hiện tại chị C đang có một mối quan hệ tình cảm với một người đàn ông khác. Hai vợ chồng đã ly thân được một năm nay. Vì anh H bên đạo Công Giáo nên không thể ký vào đơn ly hôn cũng như các văn bản của Tòa án được. Vì vậy, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết như đơn ly hôn của chị C.

Do bận công việc, nên anh H không thể sắp xếp thời gian đến tòa để làm việc và tham dự phiên tòa được. Vì vậy, ngày 20/4/2018 anh H có làm đơn xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh H và chị C chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/12/2016. Hiện cháu K đang do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cũng rất muốn nuôi con nhưng vì cháu còn nhỏ nên anh H đồng ý để chị C nuôi dưỡng, chăm sóc bé.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, anh Nguyễn Quốc H cư trú tại: 115B/3, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 20/4/2018, anh Nguyễn Quốc H có đơn xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự: Vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai C và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị C, anh H là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H nhận thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C và anh H chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C và anh H tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân, cả hai ít quan tâm đến nhau, không liên lạc với nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của chị C đối với anh H đã không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Ngày 20/4/2018 anh H có làm đơn xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án vì bận công việc. Tuy nhiên, anh H cũng thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân hơn một năm nay. Do chị C tính tình vẫn cố chấp nên anh H không muốn tiếp tục mối quan hệ này và anh cũng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn như đơn của chị C.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C.

[2] Về nuôi con chung: Chị C và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/12/2016. Chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng và anh H cũng đồng ý giao con cho chị C. Vì vậy, giao cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/12/2016. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[3] Về tài sản chung: Khi ly hôn, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật HNGĐ năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai C và anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Giao cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/12/2016. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (Quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002435 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị C đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp hợp lệ cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
THẨM
- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành